

Số: 2601651ĐKLN/HTTB-ĐKKD

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2026

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH  
THIẾT BỊ Y TẾ THUỘC LOẠI C, D**

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 44/2025/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực thiết bị y tế thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và quy định về mẫu văn bản, báo cáo thực hiện quản lý thiết bị y tế.

Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế - Bộ Y tế cấp chứng nhận đăng ký lưu hành cho thiết bị y tế (mới 100%) như sau:

- Tên thiết bị y tế: Nẹp xương dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình
- Tên thương mại (nếu có):
- Mã Global Medical Device Nomenclature - GMDN (nếu có):
- Loại thiết bị y tế: TBYT Loại C
- Tên, địa chỉ của chủ sở hữu thiết bị y tế: Orthon Innovations, Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi, PAKISTAN
- Tên, địa chỉ của chủ sở hữu số lưu hành: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ Y TẾ GIA AN, số nhà 46, Đội 6, Xóm Đức Thượng, Thôn Yên Xá, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội.
- Mục đích sử dụng; Tên, địa chỉ cơ sở bảo hành: Theo phụ lục đính kèm.
- Thông tin chi tiết thiết bị y tế (Chủng loại; Mã sản phẩm; Quy cách đóng gói; Tên cơ sở sản xuất; Địa chỉ cơ sở sản xuất và Nước sản xuất): Theo phụ lục đính kèm.

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số  
ngày 07 tháng 05 năm 2026./.

88/QĐ-HTTB

***Nơi nhận:***

- CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT  
CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ Y TẾ GIA AN;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, ĐKKD.

**CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Minh Lợi**

## PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

### 1. Mục đích sử dụng:

Nẹp xương được sử dụng để hỗ trợ quá trình lành xương và phục hồi cấu trúc xương bị hư tổn.

### 2. Tên, địa chỉ cơ sở bảo hành:

### 3. Thông tin chi tiết thiết bị y tế:

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
1	Nẹp xương	LOCKING CLAVICAL S PLATE	1-3-6 , 1-3-8, 1-6-10, 1-3-12, 1-4-6, 1-4-8, 1-4-10, 1-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
2	Nẹp xương	LOCKING CLAVICAL HOOK PLATE	2-2-4 , 2-2-5, 2-2-6, 2-2-7, 2-2-8, 2-2-9, 2-2-10, 2-2-11, 2-2-12, 2-4-4 , 2-4-5, 2-4-6, 2-4-7, 2-4-8, 2-4-9, 2-4-10, 2-4-11, 2-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
3	Nẹp xương	LOCKING DISTAL CLAVICAL PLATE	3-3-3 , 3-3-4 , 3-3-5 , 3-3-6 , 3-3-7 , 3-3-8 , 3-4-3, 3-4-4, 3-4-5, 3-4-6, 3-4-7, 3-4-8		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
4	Nẹp xương	STEROCLAVICULAR HOOK LOCKING PLATE	4-3-3 , 4-3-4 , 4-3-5, 4-3-6,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			4-3-7, 4-3-8, 4-3-9, 4-3-10, 4-3-11,4-3-12, 4-4-3, 4-4-4, 4-4-5, 4-4-6, 4-4-7, 4-4-8, 4-4-9,4-4-10, 4-4-11,4-4-12,			City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
5	Nẹp xương	LATERAL DISTAL HUMERUS LOCKING PLATE	9-3-5, 9-3-7, 9-3-9, 9-3-11, 9-3-13, 9-3-15, 9-3-5, 9-3-7, 9-3-9, 9-3-11, 9-3-13, 9-3-15,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
6	Nẹp xương	LATERAL DISTAL HUMERUS LOCKING PLATE WITH HOOK	10-3-5, 10-3-7, 10-3-9, 10-3-11, 10-3-13,10-3-15, 10-4-5, 10-4-7, 10-4-9, 10-4-11, 10-4-13, 10-4-15,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
7	Nẹp xương	LATERAL DISTAL HUMERUS LOCKING PLATE LOW PROFILE	11-3-4, 11-3-6, 11-3-8, 11-3-10, 11-3-12, 11-3-14, 11-3-16, 11-3-18, 11-3-20, 11-4-4, 11-4-6, 11-4-8, 11-4-10, 11-4-12, 11-4-14, 11-4-16, 11-4-18, 11-4-20,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
8	Nẹp xương	LATERAL DISTAL HUMERUS LOCKING	12-3-6, 12-3-8, 12-3-10, 12-3-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		PLATE HIGH PROFILE	12-3-14, 12-3-16, 12-3-18,12-3-20, 12-4-6 , 12-4-8, 12-4-10, 12-4-12, 12-4-14, 12-4-16, 12-4-18, 12-4-20,			City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
9	Nẹp xương	PROXIMAL DORSAL ULNAR LOCKING PLATE	13-3-4, 13-3-6, 13-3-8, 13-4-4, 13-4-6, 13-4-8,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
10	Nẹp xương	Y DISTAL HUMERUS LOCKING PLATE	14-3-3 , 14-3-4, 14-3-5,14-3-6, 14-3-7, 14-3-8, 14-3-9, 14-3-10, 14-3-11, 14-3-12, 14-3-14, 14-4-3 , 14-4-4, 14-4-5, 14-4-6, 14-4-7, 14-4-8, 14-4-9, 14-4-10, 14-4-11, 14-4-12, 14-4-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
11	Nẹp xương	ULNAR OLECRANON LOCKING PLATE	15-3-3 , 15-3-4 , 15-3-5 , 15-3-6 , 15-3-7 , 15-3-8, 15-4-3 , 15-4-4 , 15-4-5 , 15-4-6, 15-4-7 , 15-4-8		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
12	Nẹp xương	3.5MM METAPHYSEAL LOCKING PLATE UPPER LIMB	16-2-7 , 16-2-8 , 16-2-9, 16-2-10, 16-2-11, 16-2-13 ,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			16-2-15, 16-2-18,			Murree Road, Rawalpindi	
13	Nẹp xương	3.5MM LOCKING HOOK PLATE	17-2-2 , 17-2-3 , 17-2-4 , 17-2-5 , 17-2-6 ,17-2-7 , 17-2-8 , 17-2-9 , 17-2-10, 17-2-11, 17-2-12 , 17-2-13 , 17-2-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
14	Nẹp xương	LOCKING 1/3rd TUBULAR PLATE	19-2-2 , 19-2-3 , 19-2-4 , 19-2-5 , 19-2-6 , 19-2-7 , 19-2-8 , 19-2-9 , 19-2-10, 19-2-11 , 19-2-12 , 19-2-14, 19-2-16,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
15	Nẹp xương	LOCKING RECONSTRUCTION PLATE 3.5MM STRAIGHT	20-2-4, 20-2-5, 20-2-6, 20-2-7, 20-2-8, 20-2-9, 20-2-10, 20-2-11, 20-2-12 , 20-2-13, 20-2-14, 20-2-15, 20-2-16 , 20-2-17, 20-2-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
16	Nẹp xương	LOCKING RECONSTRUCTION COMPRESSION PLATE 3.5MM	21-2-4 , 21-2-5, 21-2-6, 21-2-7, 21-2-8, 21-2-9, 21-2-10, 21-2-11 21-2-12 , 21-2-13, 21-2-14, 21-2-15, 21-2-16 , 21-2-17,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			21-2-18,				
17	Nẹp xương	3.5MM ANATOMICAL ULNAR LOCKING PLATE	22-2-5, 22-2-6, 22-2-7, 22-2-8, 22-2-9, 22-2-10, 22-2-11, 22-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
18	Nẹp xương	CURVED LOCKING RECONSTRUCTION PLATE 3.5MM	23-2-3, 23-2-4, 23-2-5, 23-2-6, 23-2-7, 23-2-8, 23-2-9, 23-2-10, 23-2-11, 23-2-12, 23-2-13, 23-2-14, 23-2-15, 23-2-16, 23-2-17, 23-2-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
19	Nẹp xương	DISTAL RADIUS VOLAR LOCKING PLATE	24-3-3, 24-3-4, 24-3-5, 24-3-6, 24-3-7, 24-3-8, 24-4-3, 24-4-4, 24-4-5, 24-4-6, 24-4-7, 24-4-8		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
20	Nẹp xương	DISTAL RADIUS DORSAL LOCKING PLATE	25-3-3, 25-3-4, 25-3-5, 25-3-6, 25-3-7, 25-3-8, 25-3-9, 25-3-10, 25-4-3, 25-4-4, 25-4-5, 25-4-6, 25-4-7, 25-4-8, 25-4-9, 25-4-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
21	Nẹp xương	3.5MM OBLIQUE LOCKING	26-3-3, 26-3-4, 26-3-5, 26-3-6,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		COMPRESSION T PLATE	26-3-7, 26-3-8, 26-3-9, 26-3-10, 26-4-3, 26-4-4, 26-4-5, 26-4-6, 26-4-7, 26-4-8, 26-4-9, 26-4-10			City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
22	Nẹp xương	LOCKING COMPRESSION T PLATE RIGHT ANGLED	27-2-3, 27-2-4, 27-2-5, 27-2-6, 27-2-7, 27-2-8, 27-2-9, 27-2-10, 27-4-3, 27-4-4, 27-4-5, 27-4-6, 27-4-7, 27-4-8, 27-4-9, 27-4-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
23	Nẹp xương	1/4th TUBULAR PLATE	74-2-2, 74-2-3, 74-2-5, 74-2-6, 74-2-7, 74-2-8, 74-2-9, 74-2-10, 74-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
24	Nẹp xương	NAROW DCP	75-2-2, 75-2-3, 75-2-4, 75-2-5, 75-2-6, 75-2-7, 75-2-8, 75-2-9, 75-2-10, 75-2-12, 75-2-14, 75-2-16, 75-2-18, 75-2-20,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
25	Nẹp xương	NAROW DCP ROUND	76-2-2, 76-2-3, 76-2-4, 76-2-5, 76-2-6, 76-2-7, 76-2-8, 76-2-9, 76-2-10, 76-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
26	Nẹp xương	SMALL MC-DCP 3.5MM	77-2-2, 77-2-3, 77-2-4, 77-2-5, 77-2-6, 77-2-7, 77-2-8, 77-2-9, 77-2-10, 77-2-12, 77-2-14, 77-2-16,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
27	Nẹp xương	3.5MM STRAIGHT RECONSTRUCTION PLATE	78-2-2, 78-2-3, 78-2-4, 78-2-5, 78-2-6, 78-2-7, 78-2-8, 78-2-9, 78-2-10, 78-2-11, 78-2-12, 78-2-13, 78-2-14, 78-2-15, 78-2-16, 78-2-17, 78-2-18, 78-2-19,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
28	Nẹp xương	MINI FRAGMENT 2.7MM PLATE	79-2-2, 79-2-3, 79-2-4, 79-2-5, 79-2-6, 79-2-7, 79-2-8, 79-2-9, 79-2-10, 79-2-11, 79-2-12, 79-2-13, 79-2-14, 79-2-15, 79-2-16,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
29	Nẹp xương	2.7MM STRAIGHT RECONSTRUCTION PLATE	80-2-3, 80-2-4, 80-2-5, 80-2-6, 80-2-7, 80-2-8, 80-2-9, 80-2-10, 80-2-11, 80-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
30	Nẹp xương	3.5MM STRAIGHT RECONSTRUCTION PLATE CURVED	81-2-2, 81-2-3, 81-2-4, 81-2-5, 81-2-6, 81-2-7,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			81-2-8, 81-2-9, 81-2-10, 81-2-11, 81-2-12, 81-2-13, 81-2-14, 81-2-15, 81-2-16, 81-2-17, 81-2-18, 81-2-19,			Murree Road, Rawalpindi	
31	Nẹp xương	2.7MM CURVED RECONSTRUCTION PLATE	82-2-3, 82-2-4, 82-2-5, 82-2-6, 82-2-7, 82-2-8, 82-2-9, 82-2-10, 82-2-11, 82-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
32	Nẹp xương	SMALL T PLATE OBLIQUE	83-3-3, 83-3-4, 83-3-5, 83-3-6, 83-3-7, 83-3-8, 83-3-9, 83-3-10, 83-3-11, 83-3-12, 83-4-3, 83-4-4, 83-4-5, 83-4-6, 83-4-7, 83-4-8, 83-4-9, 83-4-10, 83-4-11, 83-4-12		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
33	Nẹp xương	DORSAL DISTAL RADIUS PLATE LARGE	84-3-3, 84-3-4, 84-3-5, 84-3-6, 84-3-7, 84-4-3, 84-4-4, 84-4-5, 84-4-6, 84-4-7,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
34	Nẹp xương	DORSAL DISTAL RADIUS PLATE SMALL	85-3-3, 85-3-4, 85-3-5, 85-5-6, 85-4-3, 85-4-4, 85-4-5, 85-4-6,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
35	Nẹp xương	DISTAL RADIUS VOLAR PLATE	86-3-3, 86-3-4, 86-3-5, 86-3-6, 86-3-7, 86-4-3, 86-4-4, 86-4-5, 86-4-6, 86-4-7,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
36	Nẹp xương	DISTAL RADIUS DORSAL PLATE	87-3-3, 87-3-4, 87-3-5, 87-3-6, 87-3-7, 87-3-8, 87-3-9, 87-3-10, 87-3-11, 87-3-12, 87-4-3, 87-4-4, 87-4-5, 87-4-6, 87-4-7, 87-4-8, 87-4-9, 87-4-10, 87-4-11, 87-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
37	Nẹp xương	RADIAL HEAD PLATE	88-2-3, 88-2-4, 88-2-5, 88-2-6,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
38	Nẹp xương	3.5MM T PLATE OBLIQUE	90-2-4, 90-2-5, 90-2-6, 90-2-7, 90-2-8, 90-2-9, 90-2-10, 90-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
39	Nẹp xương	3.5MM T PLATE	91-2-3, 91-2-4, 91-2-5, 91-2-6, 91-2-7, 91-2-8, 91-2-9, 91-2-10, 91-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
40	Nẹp xương	2.0MM CURVED PLATE	92-2-4, 92-2-5,		Orthon	Number 10,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			92-2-6, 92-2-7, 92-2-8, 92-2-9, 92-2-10,		Innovations	First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
41	Nẹp xương	L PLATE 90° LONG	93-3-2, 93-3-3, 93-4-2, 93-4-3,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
42	Nẹp xương	L PLATE 110° LONG	94-3-2, 94-3-3, 94-4-2, 94-4-3,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
43	Nẹp xương	2.0MM LONG PLATE	95-2-4, 95-2-5, 95-2-6, 95-2-7, 95-2-8, 95-2-9, 95-2-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
44	Nẹp xương	2.0MM SMALL PLATE	96-2-4, 96-2-5, 96-2-6, 96-2-7, 96-2-8, 96-2-9, 96-2-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
45	Nẹp xương	2.0MM S PLATE	97-3-4, 97-4-4,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
46	Nẹp xương	2.0MM SQUARE PLATE	98-2-4, 98-2-8,		Orthon	Number 10,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			98-2-12, 98-2-16,		Innovations	First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
47	Nẹp xương	MINI T PLATE 2.0MM	99-2-2, 99-2-3,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
48	Nẹp xương	MINI Y PLATE 2.0MM	100-2-2 , 100-2-3 , 100-2-4,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
49	Nẹp xương	2.0MM L PLATE 90°	101-3-2, 101-3-3, 101-4-2, 101-4-3,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
50	Nẹp xương	2.0MM L PLATE 110°	102-3-2, 102-3-3, 102-4-2, 102-4-3,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
51	Nẹp xương	2.7MM SMALL L PLATE	103-3-3, 103-3-4, 103-3-5, 103-3-6, 103-4-3, 103-4-4, 103-4-5, 103-4-6,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
52	Nẹp xương	2.7MM T PLATE LONG	104-5-3, 104-5-4,		Orthon	Number 10,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			104-5-5, 104-5-6, 104-6-3, 104-6-4, 104-6-5, 104-6-6,		Innovations	First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
53	Nẹp xương	PROXIMAL FEMUR LOCKING PLATE	105-3-2, 105-3-3, 105-3-4, 105-3-5, 105-3-6, 105-3-7, 105-3-8, 105-3-9, 105-3-10, 105-3-11, 105-3-12, 105-3-13, 105-3-14, 105-3-15, 105-3-16, 105-3-17, 105-4-2, 105-4-3, 105-4-4, 105-4-5, 105-4-6, 105-4-7, 105-4-8, 105-4-9, 105-4-10, 105-4-11, 105-4-12, 105-4-13, 105-4-14, 105-4-15, 105-4-16, 105-4-17,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
54	Nẹp xương	LOCKING PLATE CURVED BROAD	106-2-4, 106-2-5, 106-2-6, 106-2-7, 106-2-8, 106-2-9, 106-2-10, 106-2-11, 106-2-12, 106-2-13, 106-2-14, 106-2-15, 106-2-16, 106-2-17, 106-2-18, 106-2-19, 106-2-20, 106-2-21, 106-2-22, 106-2-23, 106-2-24,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
55	Nẹp xương	DISTAL FEMUR	107-3-2, 107-3-3,		Orthon	Number 10,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		LOCKING PLATE	107-3-4, 107-3-5, 107-3-6, 107-3-7, 107-3-8, 107-3-9, 107-3-10,107-3-11, 107-3-12,107-3-13, 107-3-14, 107-3-15, 107-3-16, 107-3-17, 107-3-18, 107-4-2, 107-4-3, 107-4-4, 107-4-5, 107-4-6, 107-4-7, 107-4-8, 107-4-9, 107-4-10, 107-4-11, 107-4-12, 107-4-13, 107-4-14, 107-4-15, 107-4-16, 107-4-17, 107-4-18,		Innovations	First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
56	Nẹp xương	LC-DCP NARROW PLATE 4.5MM	130-2-3, 130-2-4, 130-2-5,130-2-6, 130-2-7, 130-2-8, 130-2-9,130-2-10, 130-2-11,130-2-12, 130-2-14,130-2-16, 130-2-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
57	Nẹp xương	4.5MM COBRA HEAD PLATE	132-2-5, 132-2-6, 132-2-7,132-2-8, 132-2-9,132-2-10, 132-2-11,132-2-12, 132-2-13,132-2-14, 132-2-15,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
58	Nẹp xương	4.5MM FEMORAL CONDYLAR BUTTERESS PLATE	133-2-3, 133-2-4, 133-2-5,133-2-6, 133-2-7,133-2-8,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			133-2-9,133-2-10, 133-2-11,133-2-12, 133-2-13,133-2-14, 133-2-15, 133-4-3, 133-4-4, 133-4-5, 133-4-6, 133-4-7, 133-4-8, 133-4-9, 133-4-10, 133-4-11, 133-4-12, 133-4-13, 133-4-14, 133-4-15,			Murree Road, Rawalpindi	
59	Nẹp xương	4.5MM T PLATE	134-2-3, 134-2-4, 134-2-5,134-2-6, 134-2-7, 134-2-8, 134-2-9, 134-2-10, 134-2-11,134-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
60	Nẹp xương	4.5MM T BUTTERESS PLATE	135-2-3, 135-2-4, 135-2-5, 135-2-6, 135-2-7, 135-2-8, 135-2-9, 135-2-10, 135-2-11, 135-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
61	Nẹp xương	4.5MM L BUTTERESS PLATE	136-3-3, 136-3-4, 136-3-5, 136-3-6, 136-3-7, 136-3-8, 136-3-9, 136-3-10, 136-3-11, 136-3-12, 136-4-3, 136-4-4, 136-4-5, 136-4-6, 136-4-7, 136-4-8, 136-4-9, 136-4-10, 136-4-11, 136-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
62	Nẹp xương	PROXIMAL MEDICAL	137-3-3, 137-3-5,		Orthon	Number 10,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		TIBIAL PLATE	137-3-7, 137-3-9, 137-3-11,137-3-13, 137-4-3, 137-4-5, 137-4-7, 137-4-9, 137-4-11, 137-4-13,		Innovations	First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
63	Nẹp xương	PROXIMAL LATERAL TIBIAL PLATE	138-3-3, 138-3-5, 138-3-7, 138-3-9, 138-3-11, 138-3-13, 138-3-15, 138-3-17, 138-3-19, 138-3-21, 138-4-3, 138-4-5, 138-4-7, 138-4-9, 138-4-11, 138-4-13, 138-4-15,138-4-17, 138-4-19, 138-4-21		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
64	Nẹp xương	DISTAL MEDICAL TIBIAL BUTTESRESS PLATE	139-3-3, 139-3-5, 139-3-7, 139-3-9, 139-3-11, 139-3-13, 139-3-15, 139-3-17, 139-3-19, 139-3-21, 139-4-3, 139-4-5, 139-4-7, 139-4-9, 139-4-11, 139-4-13, 139-4-15, 139-4-17, 139-4-19, 139-4-21,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
65	Nẹp xương	DISTAL TIBIAL ANTEROLATERAL PLATE	140-23-5, 140-3-6, 140-3-7, 140-3-8, 140-3-9, 140-3-10, 140-3-11, 140-3-12, 140-3-13, 140-3-14, 140-3-15, 140-3-16, 140-3-17, 140-3-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			140-4-5, 140-4-6, 140-4-7, 140-4-8, 140-4-9, 140-4-10, 140-4-11, 140-4-12, 140-4-13, 140-4-14, 140-4-15, 140-4-16, 140-4-17, 140-4-18,				
66	Nẹp xương	DISTAL MEDICAL TIBIAL COMPRESSION PLATE	141-2-4, 141-2-6, 141-2-8, 141-2-10, 141-2-12, 141-2-14, 141-2-4, 141-2-6, 141-2-8, 141-2-10, 141-2-12, 141-2-14		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
67	Nẹp xương	DISTAL MEDICAL HOOK COMPRESSION PLATE	142-3-4, 142-3-6, 142-3-8, 142-3-10, 142-3-12, 142-3-14, 142-4-4, 142-4-6, 142-4-8, 142-4-10, 142-4-12, 142-4-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
68	Nẹp xương	DISTAL FIBULAR BUTTERESS PLATE	143-3-2, 143-3-4, 143-3-6, 143-3-8, 143-3-10, 143-4-2, 143-4-4, 143-4-6, 143-4-8, 143-4-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
69	Nẹp xương	DISTAL FIBULAR BUTTERESS PLATE NARROW	144-3-5, 144-3-6, 144-3-7, 144-3-8, 144-3-9, 144-4-5, 144-4-6, 144-4-7, 144-4-8, 144-4-9,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
70	Nẹp xương	CALCANEAL PLATE LONG	145-3-1, 145-3-2, 145-3-3, 145-3-4,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			145-3-5, 145-4-1, 145-4-2, 145-4-3, 145-4-4, 145-4-5			City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
71	Nẹp xương	MATTA PLATE	146-2-4 , 146-2-6 , 146-2-8,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
72	Nẹp xương	DHS PLATE	147-2-2, 147-2-3, 147-2-4,147-2-5, 147-2-6, 147-2-7, 147-2-8, 147-2-9, 147-2-10, 147-2-11, 147-2-12,147-2-14, 147-2-16, 147-2-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
73	Nẹp xương	DCS PLATE	148-3-2, 148-3-3, 148-3-4, 148-3-5, 148-3-6, 148-3-7, 148-3-8, 148-3-9, 148-3-10,148-3-11, 148-3-12, 148-3-14, 148-3-16,148-3-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
74	Nẹp xương	DHS LOCKING PLATE	150-2-2, 150-2-3, 150-2-4,150-2-5, 150-2-6, 150-2-7, 150-2-8, 150-2-9, 150-2-10,150-2-11, 150-2-12,150-2-14, 150-2-16,150-2-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
75	Nẹp xương	DCS LOCKING PLATE	151-2-2, 151-2-3,		Orthon	Number 10,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			151-2-4, 151-2-5, 151-2-6, 151-2-7, 151-2-8, 151-2-9, 151-2-10, 151-2-11, 151-2-12, 151-2-14, 151-2-16, 151-2-18,		Innovations	First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
76	Nẹp xương	PROXIMAL HUMERUS LOCKING PLATE COBRA HEAD	5-2-4, 5-2-5, 5-2-6, 5-2-7, 5-2-8, 5-2-9, 5-2-10, 5-2-11, 5-2-12, 5-2-13, 5-2-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
77	Nẹp xương	PROXIMAL HUMERUS LOCKING PLATE FLATHEAD	6-2-4, 6-2-5, 6-2-6, 6-2-7, 6-2-8, 6-2-9, 6-2-10, 6-2-11, 6-2-12, 6-2-13, 6-2-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
78	Nẹp xương	PROXIMAL HUMERUS LOCKING PLATE NARROW HEAD	7-2-4, 7-2-5, 7-2-6, 7-2-7, 7-2-8, 7-2-9, 7-2-10, 7-2-11, 7-2-12, 7-2-13, 7-2-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
79	Nẹp xương	CLOVER LEAF LOCKING PLATE	8-2-3, 8-2-4, 8-2-5, 8-2-6, 8-2-7, 8-2-8, 8-2-9, 8-2-10, 8-2-11, 8-2-12, 8-2-13, 8-2-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
80	Nẹp xương	SCAPULA MEDICAL	31-3-9 , 31-3-10,		Orthon	Number 10,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		BORDER LOCKING PLATE	31-3-13, 31-4-9, 31-4-10, 31-4-13,		Innovations	First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
81	Nep xương	LOCKING BROAD DCP 4.5MM	32-2-4, 32-2-5, 32-2-6, 32-2-7, 32-2-8, 32-2-9, 32-2-10, 32-2-11, 32-2-12, 32-2-13, 32-2-14, 32-2-15, 32-2-16, 32-2-17, 32-2-18, 32-2-19, 32-2-20, 32-2-21, 32-2-22, 32-2-23, 32-2-24,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
82	Nep xương	LOCKING NAROW DCP 4.5MM	33-2-2, 33-2-3, 33-2-4, 33-2-5, 33-2-6, 33-2-7, 33-2-8, 33-2-9, 33-2-10, 33-2-11, 33-2-12, 33-2-13, 33-2-14, 33-2-15, 33-2-16, 33-2-17, 33-2-18, 33-2-19, 33-2-20, 33-2-21, 33-2-22, 33-2-23, 33-2-24,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
83	Nep xương	LOCKING SMALL DCP 3.5MM	34-2-3, 34-2-4, 34-2-5, 34-2-6, 34-2-7, 34-2-8, 34-2-9, 34-2-10, 34-2-11, 34-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			34-2-13, 34-2-14, 34-2-15, 34-2-16,				
84	Nẹp xương	LOCKING T-BUTTERES PLATE	35-2-3, 35-2-4, 35-2-5, 35-2-6, 35-2-7, 35-2-8, 35-2-9, 35-2-10, 35-2-11, 35-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
85	Nẹp xương	LOCKING L BUTTERES PLATE	36-3-3, 36-3-4, 36-3-5, 36-3-6, 36-3-7, 36-3-8, 36-3-9, 36-3-10, 36-3-11, 36-3-12, 36-4-3, 36-4-4, 36-4-5, 36-4-6, 36-4-7, 36-4-8, 36-4-9, 36-4-10, 36-4-11, 36-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
86	Nẹp xương	LOCKING SMALL T PLATE 3.5MM	37-2-3, 37-2-4, 37-2-5, 37-2-6, 37-2-7, 37-2-8, 37-2-9, 37-2-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
87	Nẹp xương	MINI LOCKING PLATE 2.7MM	38-2-3, 38-2-4, 38-2-5, 38-2-6, 38-2-7, 38-2-8, 38-2-9, 38-2-10, 38-2-11, 38-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
88	Nẹp xương	MINI LOCKING CURVED PLATE 2.0MM	39-2-4, 39-2-5, 39-2-6, 39-2-7, 39-2-8, 39-2-9, 39-2-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
						Rawalpindi	
89	Nẹp xương	MINI LOCKING PLATE L PLATE 2.0MM 110°	40-3-2, 40-3-3, 40-4-2, 40-4-3,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
90	Nẹp xương	MINI LOCKING PLATE L PLATE 2.0MM 90°	41-3-2, 41-3-3, 41-3-4, 41-3-5, 41-3-6, 41-3-7, 41-3-8, 41-4-2, 41-4-3, 41-4-4, 41-4-5, 41-4-6, 41-4-7, 41-4-8,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
91	Nẹp xương	MINI LOCKING PLATE L PLATE 2.0MM 90° LONG	42-3-2, 42-3-3, 42-3-4, 42-3-5, 42-3-6, 42-3-7, 42-3-8, 42-4-2, 42-4-3, 42-4-4, 42-4-5, 42-4-6, 42-4-7, 42-4-8,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
92	Nẹp xương	MINI LOCKING PLATE L PLATE 2.0MM 110° LONG	43-3-2, 43-3-3, 43-4-2, 43-4-3,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
93	Nẹp xương	MINI LOCKING L PLATE LONG 2.0 MM	44-2-4, 44-2-5, 44-2-6, 44-2-7, 44-2-8, 44-2-9, 44-2-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
94	Nẹp xương	MINI LOCKING L PLATE LONG 2.0 MM	45-2-4, 45-2-5, 45-2-6,45-2-7, 45-2-8, 45-2-9, 45-2-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
95	Nẹp xương	MINI LOCKING S SOUARE PLATE 2.0	47-2-4 , 47-2-8 , 47-2-12 , 47-2-16,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
96	Nẹp xương	MINI LOCKING T PLATE 2.0MM	48-2-2, 48-2-3, 48-2-4, 48-2-5, 48-2-6, 48-2-7, 48-2-8, 48-2-9, 48-2-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
97	Nẹp xương	MINI LOCKING Y PLATE 2.0MM	49-2-2, 49-2-3, 49-2-4,49-2-5, 49-2-6, 49-2-7, 49-2-8, 49-2-9, 49-2-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
98	Nẹp xương	CLAVICAL S PLATE	52-3-6, 52-3-7, 52-3-8,52-3-9, 52-3-10, 52-3-12, 52-4-6, 52-4-7, 52-4-8,52-4-9, 52-4-10, 52-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
99	Nẹp xương	DISTAL CLAVICAL PLATE	53-3-3, 53-3-4, 53-3-5,53-3-6, 53-3-7, 53-3-8, 53-3-9, 53-3-10, 53-4-3, 53-4-4,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			53-4-5,53-4-6, 53-4-7, 53-4-8, 53-4-9, 53-4-10,				
100	Nẹp xương	STERNOCLAVICULAR HOOK PLATE	54-3-3, 54-3-4, 54-3-5,54-3-6, 54-3-7, 54-3-8, 54-3-9, 54-3-10, 54-3-11, 54-3-12, 54-4-3, 54-4-4, 54-4-5,54-4-6, 54-4-7, 54-4-8, 54-4-9, 54-4-10, 54-4-11, 54-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
101	Nẹp xương	PROXIMAL HUMERUS DYNAMIC	55-2-3, 55-2-4, 55-2-5,55-2-6, 55-2-7, 55-2-8, 55-2-9, 55-2-10, 55-2-11, 55-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
102	Nẹp xương	PROXIMAL HUMERUS COMPRESSION PLATE	56-2-3, 56-2-4, 56-2-5,56-2-6, 56-2-7,56-2-8, 56-2-9, 56-2-10, 56-2-11, 56-2-12, 56-2-13, 56-2-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
103	Nẹp xương	PROXIMAL HUMERUS DYNAMIC COMPRESSION PLATE	57-2-4, 57-2-5, 57-2-6, 57-2-7, 57-2-8, 57-2-9, 57-2-10, 57-2-11, 57-2-12, 57-2-13, 57-2-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
104	Nẹp xương	4.5MM CLOVERLEAF	58-2-4, 58-2-5,		Orthon	Number 10,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		PLATE	58-2-6, 58-2-7, 58-2-8, 58-2-9, 58-2-10, 58-2-11, 58-2-12, 58-2-13, 58-2-14,		Innovations	First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
105	Nẹp xương	HUMERAL HEAD BUTTERESS PLATE	59-3-4, 59-3-5, 59-3-6, 59-4-4, 59-4-5, 59-4-6,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
106	Nẹp xương	PROXIMAL HUMERUS LATERAL BUTTERESS PLATE	61-3-3, 61-3-4, 61-3-5, 61-3-6, 61-3-7, 61-3-8, 61-3-9, 61-3-10, 61-3-11, 61-3-12, 61-3-13, 61-3-14, 61-4-3, 61-4-4, 61-4-5, 61-4-6, 61-4-7, 61-4-8, 61-4-9, 61-4-10, 61-4-11, 61-4-12, 61-4-13, 61-4-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
107	Nẹp xương	PROXIMAL ULNAR DORSAL BUTTERESS PLATE	62-3-4, 62-3-6, 62-3-8, 62-3-10, 62-3-12, 62-3-14, 62-4-4, 62-4-6, 62-4-8, 62-4-10, 62-4-12, 62-4-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
108	Nẹp xương	HUMERUS COMPRESSION PLATE	63-2-4, 63-2-5, 63-2-6, 63-2-7, 63-2-8, 63-2-9,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			63-2-10, 63-2-11, 63-2-12, 63-2-14, 63-2-16,			Murree Road, Rawalpindi	
109	Nẹp xương	LATERAL DISTAL HUMERUS PLATE	64-3-3, 64-3-5, 64-3-7, 64-3-9, 64-3-11, 64-3-13, 64-3-15, 64-4-3, 64-4-5, 64-4-7, 64-4-9, 64-4-11, 64-4-13, 64-4-15,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
110	Nẹp xương	MEDICAL DISTAL HUMERUS PLATE	65-3-4, 65-3-6, 65-3-8, 65-3-10, 65-3-12, 65-3-14, 65-3-16, 65-3-18, 65-3-4, 65-4-6, 65-4-8, 65-4-10, 65-4-12, 65-4-14, 65-4-16, 65-4-18		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
111	Nẹp xương	DISTAL HUMERUS Y PLATE	66-3-3, 66-3-4, 66-3-5, 66-3-6, 66-3-7, 66-3-8, 66-3-9, 66-3-10, 66-3-11, 66-3-12, 66-4-3, 66-4-4, 66-4-5, 66-4-6, 66-4-7, 66-4-8, 66-4-9, 66-4-10, 66-4-11, 66-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
112	Nẹp xương	ULNAR OLECRANON PLATE	67-3-4, 67-3-5, 67-3-6, 67-3-7, 67-3-8, 67-4-4,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			67-4-5, 67-4-6, 67-4-7, 67-4-8,			Murree Road, Rawalpindi	
113	Nẹp xương	Y FORK PLATE	68-3-3, 68-3-4, 68-3-5, 68-3-6, 68-3-7, 68-3-8, 68-3-9, 68-3-10, 68-3-11, 68-3-12, 68-4-3, 68-4-4, 68-4-5, 68-4-6, 68-4-7, 68-4-8, 68-4-9, 68-4-10, 68-4-11, 68-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
114	Nẹp xương	DORSAL MEDICAL HUMERUS PLATE	69-2-10 , 69-2-12 , 69-2-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
115	Nẹp xương	3.5MM Y- RECONSTRUCTION PLATE	70-3-5, 70-3-6, 70-3-7, 70-3-9, 70-4-5, 70-4-6, 70-4-7, 70-4-9,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
116	Nẹp xương	4.5MM Y DISTAL HUMERUS PLATE	71-3-5, 71-3-6, 71-3-7, 71-3-8, 71-3-9, 71-3-10, 71-3-11, 71-3-12, 71-4-5, 71-4-6, 71-4-7, 71-4-8, 71-4-9, 71-4-10, 71-4-11, 71-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
117	Nẹp xương	LC-DCP RADIUS ULNA	72-2-4, 72-2-5,		Orthon	Number 10,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		PLATE 3.5 MM	72-2-6, 72-2-7, 72-2-8, 72-2-9, 72-2-10, 72-2-11, 72-2-12, 72-2-13, 72-2-14, 72-2-15, 72-2-16, 72-2-17, 72-2-18,		Innovations	First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
118	Nẹp xương	3.5MM 1/3rd TUBULAR PLATE	73-2-4, 73-2-5, 73-2-6, 73-2-7, 73-2-8, 73-2-9, 73-2-10, 73-2-12, 73-2-14, 73-2-16, 73-2-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
119	Nẹp xương	LATERAL DISTAL FEMORAL BUTTERESS LOCKING PLATE	108-3-6, 108-3-7, 108-3-8, 108-3-9, 108-3-10, 108-3-11, 108-3-12, 108-4-6, 108-4-7, 108-4-8, 108-4-9, 108-4-10, 108-4-11, 108-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
120	Nẹp xương	MEDICAL DISTAL FEMORAL BUTTERESS LOCKING PLATE	109-3-4, 109-3-6, 109-3-8, 109-3-10, 109-4-4, 109-4-6, 109-4-8, 109-4-10,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
121	Nẹp xương	DISTAL FEMORAL CONDYLAR BUTTERESS LOCKING PLATE	110-3-3, 110-3-4, 110-3-5, 110-3-6, 110-3-7, 110-3-8, 110-3-9, 110-3-10, 110-3-11, 110-3-12, 110-3-13, 110-3-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			110-3-15, 110-3-16, 110-3-17, 110-3-18, 110-4-3, 110-4-4, 110-4-5, 110-4-6, 110-4-7, 110-4-8, 110-4-9, 110-4-10, 110-4-11, 110-4-12, 110-4-13, 110-4-14, 110-4-15, 110-4-16, 110-4-17, 110-4-18,				
122	Nẹp xương	PROXIMAL TIBIAL LOCKING PLATE	111-3-3, 111-3-4, 111-3-5, 111-3-6, 111-3-7, 111-3-8, 111-3-9, 111-3-10, 111-3-11, 111-3-12, 111-3-13, 111-3-14, 111-3-15, 111-3-16, 111-3-17, 111-3-18, 111-4-3, 111-4-4, 111-4-5, 111-4-6, 111-4-7, 111-4-8, 111-4-9, 111-4-10, 111-4-11, 111-4-12, 111-4-13, 111-4-14, 111-4-15, 111-4-16, 111-4-17, 111-4-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
123	Nẹp xương	PROXIMAL TIBIAL LOCKING PLATE BROAD HEAD	112-3-3, 112-3-5, 112-3-7, 112-4-3, 112-4-5, 112-4-7		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
124	Nẹp xương	PROXIMAL LATERAL	113-3-4, 113-3-5,		Orthon	Number 10,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		TIBIAL LOCKING PLATE	113-3-6, 113-3-7, 113-3-8, 113-3-9, 113-3-10, 113-3-11, 113-3-12, 113-3-13, 113-4-4, 113-4-5, 113-4-6, 113-4-7, 113-4-8, 113-4-9, 113-4-10, 113-4-11, 113-4-12, 113-4-13,		Innovations	First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
125	Nẹp xương	4.5MM LOCKING L PLATE	114-3-3, 114-3-4, 114-3-5, 114-3-6, 114-3-7, 114-3-8, 114-3-9, 114-3-10, 114-3-11, 114-3-12, 114-3-13, 114-3-14, 114-3-15, 114-3-16, 114-4-3, 114-4-4, 114-4-5, 114-4-6, 114-4-7, 114-4-8, 114-4-9, 114-4-10, 114-4-11, 114-4-12, 114-4-13, 114-4-14, 114-4-15, 114-4-16,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
126	Nẹp xương	4.5MM LOCKING COMPRESSION T PLATE	115-2-4, 115-2-5, 115-2-6, 115-2-7, 115-2-8, 115-2-9, 115-2-10, 115-2-11, 115-2-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
127	Nẹp xương	METAPHYSEAL LOCKING COMPRESSION PLATE	116-2-3, 116-2-4, 116-2-5, 116-2-6, 116-2-7, 116-2-8,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			116-2-9, 116-2-11, 116-2-12, 116-2-13, 116-2-14, 116-2-15, 116-2-16, 116-2-17, 116-2-18,			Murree Road, Rawalpindi	
128	Nẹp xương	4.5MM LOCKING COMPRESSION PLATE	117-2-3, 117-2-4, 117-2-5, 117-2-6, 117-2-7, 117-2-8, 117-2-9, 117-2-10, 117-2-11, 117-2-12, 117-2-13, 117-2-14, 117-2-15, 117-2-16, 117-2-17, 117-2-18, 117-2-19, 117-2-20, 117-2-21, 117-2-22, 117-2-23, 117-2-24,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
129	Nẹp xương	4.5MM BROAD LOCKING COMPRESSION PLATE	118-2-3, 118-2-4, 118-2-5, 118-2-6, 118-2-7, 118-2-8, 118-2-9, 118-2-10, 118-2-11, 118-2-12, 118-2-13, 118-2-14, 118-2-15, 118-2-16, 118-2-17, 118-2-18, 118-2-19, 118-2-20, 118-2-21, 118-2-22, 118-2-23, 118-2-24,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
130	Nẹp xương	DISTAL TIBIAL LOCKING PLATE	119-3-3, 119-3-4, 119-3-5, 119-3-6, 119-3-7, 119-3-8, 119-3-9, 119-3-10, 119-3-11, 119-3-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			119-3-13, 119-3-14, 119-3-15, 119-3-16, 119-3-17, 119-4-3, 119-4-4, 119-4-5, 119-4-6, 119-4-7, 119-4-8, 119-4-9, 119-4-10, 119-4-11, 119-4-12, 119-4-13, 119-4-14, 119-4-15, 119-4-16, 119-4-17,				
131	Nẹp xương	DISTAL MEDICAL TIBIAL LOCKING PLATE WITH RING	120-3-4, 120-3-6, 120-3-8, 120-3-10, 120-3-12, 120-3-14, 120-4-4, 120-4-6, 120-4-8, 120-4-10, 120-4-12, 120-4-14,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
132	Nẹp xương	LATERAL DISTAL TIBIAL LOCKING COMPRESSION PLATE	121-3-3, 121-3-5, 121-3-7, 121-3-9, 121-3-11, 121-3-13, 121-3-15, 121-4-3, 121-4-5, 121-4-7, 121-4-9, 121-4-11, 121-4-13, 121-4-15,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
133	Nẹp xương	4.5MM CURVED LOCKING RECONSTRUCTION PLATE	123-2-2, 123-2-3, 123-2-4, 123-2-5, 123-2-6, 123-2-7, 123-2-8, 123-2-9, 123-2-10, 123-2-11, 123-2-12, 123-2-13, 123-2-14, 123-2-15, 123-2-16, 123-2-17, 123-2-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
134	Nẹp xương	CALCANEAL LOCKING PLATE	124-3-1, 124-3-2, 124-3-3,124-3-4, 124-3-5, 124-4-1, 124-4-2,124-4-3, 124-4-4,124-4-5,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
135	Nẹp xương	PROXIMAL FEMUR COMPRESSION PLATE	125-2-2, 125-2-3, 125-2-4, 125-2-5, 125-2-6, 125-2-7, 125-2-8, 125-2-9, 125-2-10, 125-2-11, 125-2-12, 125-2-13, 125-2-14, 125-2-15, 125-2-16, 125-2-17, 125-2-18, 125-4-2, 125-4-3,125-4-4, 125-4-5, 125-4-6, 125-4-7, 125-4-8, 125-4-9, 125-4-10, 125-4-11, 125-4-12, 125-4-13, 125-4-14, 125-4-15, 125-4-16, 125-4-17, 125-4-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
136	Nẹp xương	DISTAL FEMUR COMPRESSION PLATE	126-3-3, 126-3-5, 126-3-7, 126-3-9, 126-3-11, 126-3-13, 126-3-15, 126-3-17, 126-3-19, 126-4-3, 126-4-5, 126-4-7, 126-4-9, 126-4-11, 126-4-13, 126-4-15, 126-4-17, 126-4-19,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
137	Nẹp xương	DISTAL MEDICAL	127-3-4, 127-3-6,		Orthon	Number 10,	PAKISTAN

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		FEMORAL HEAD BUTTERESS PALTE	127-3-8, 127-3-10, 127-3-12, 127-3-14, 127-4-4, 127-4-6, 127-4-8, 127-4-10, 127-4-12, 127-4-14,		Innovations	First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	
138	Nẹp xương	DISTAL LATERAL FEMORAL HEAD BUTTERESS PALTE	128-3-6, 128-3-7, 128-3-8, 128-3-9, 128-3-10, 128-3-12, 128-4-6, 128-4-7, 128-4-8, 128-4-9, 128-4-10, 128-4-12,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN
139	Nẹp xương	LC-DCP BROAD PLATE 4.5MM	129-2-3, 129-2-4, 129-2-5, 129-2-6, 129-2-7, 129-2-8, 129-2-9, 129-2-10, 129-2-11, 129-2-12, 129-2-14, 129-2-16, 129-2-18,		Orthon Innovations	Number 10, First floor, Mid City Mall, Murree Road, Rawalpindi	PAKISTAN